| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU ĐỨC**<br>**TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 22-7-2019
V/v *"tranh chấp vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức: Bà Ngô Thị Hồng Phương.

Ngày 22 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Huỳnh N, sinh năm 1971. (Có mặt)

HKTT: Tổ 91 thôn TL, xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, ấp VB, xã Bình Giã, huyện Châu Đức, BRVT.

**Bị đơn:** Công ty TNHH Xây dựng và vận tải TTC.

Địa chỉ: Tổ 44, ấp TT, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Tiến C, sinh năm 1962 – giám đốc công ty. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 44, ấp TT, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đặng Tiến C, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 44, ấp TT, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

HKTT: Tổ 3, ấp 3, xã LS, huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ 44, ấp TT, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

3. Bà Đỗ Thị Thu L, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

HKTT: Tổ 91 thôn TL, xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

## NỘI D VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh N trình bày:***

Tại đơn khởi kiện ông Huỳnh N trình bày: Vào ngày 19-5-2017 công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C có bán cho ông N 1 chiếc xe FORTUNUE biển số 72A-15467 với giá tiền là 300.000.000đ. Việc mua bán đã được văn phòng công chứng Nguyễn Dần chứng thực số 37, quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-5-2017. Các bên thỏa thuận sau khi công chứng xong thì công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C sẽ xuất hóa đơn trong vòng 1 tháng để ông N làm thủ tục sang tên. Quá thời hạn trên công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C vẫn không xuất hóa đơn cho ông N nên ông N không thể làm thủ tục sang tên như đã thỏa thuận. Ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C phải giao xe FORTUNUE biển số 72A-15467 cho ông N đồng thời xuất hóa đơn và tạo điều kiện để ông N làm thủ tục sang nhượng xe như đã giao kết.

Tuy nhiên tại các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa ông Huỳnh N xác nhận vào năm 2016 và năm 2017 ông Đặng Tiến C, bà Trần Thị D có vay của ông Huỳnh N số tiền tổng cộng là 1.250.000.000đ, mục đích là vay để cho công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C với lãi suất là 4% một tháng. Khi vay mượn để đảm bảo các khoản vay trên vợ chồng ông C có thế chấp cho ông Huỳnh N 1 căn nhà và 1 chiếc xe FORTUNUE biển số 72A-15467, căn nhà để đảm bảo số nợ 950.000.000đ còn chiếc xe là để đảm bảo số nợ 300.000.000đ mà ông C và bà D vay của ông N, các bên thế chấp nhưng kí kết hợp đồng chuyển nhượng nhà đất và hợp đồng mua bán xe và thỏa thuận trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày kí kết hợp đồng chuyển nhượng nhà đất và hợp đồng mua bán xe nếu vợ chồng ông C, bà D trả cho ông N khoản nợ 1.250.000.000đ thì ông N sẽ cho chuộc lại nhà đất và xe. Hợp đồng mua bán xe FORTUNUE biển số 72A-15467 được phòng công chứng Nguyễn Dần, huyện Châu Đức chứng nhận ngày 19/5/2017, giá mua bán cũng chính là số tiền vay là 300.000.000đ. Quá thời hạn 1 tháng vợ chồng ông C vẫn không trả cho ông N số nợ còn thiếu nên ông N đã sang tên căn nhà sang ông N đứng tên, về chiếc xe do công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C không xuất hóa đơn như đã thỏa thuận nên ông N không sang tên được. Cho đến nay vợ chồng ông N, bà D chưa trả cho ông N số nợ 300.000.000đ và lãi suất từ thời điểm vay cũng chính là thời điểm ký kết hợp đồng mua bán xe là ngày 19/5/2017. Ông N đồng ý hủy hợp đồng mua bán xe FORTUNUE biển số 72A-15467 được văn phòng công chứng Nguyễn Dần tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu chứng thực số 37 quyển số 01/2017/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 19 tháng 5 năm 2017 với điều kiện ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D phải trả lại cho ông N số tiền vay còn thiếu là 300.000.000đ cộng với lãi suất 1%/tháng từ thời điểm mua xe đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng thời yêu cầu ông C, bà D tiếp tục trả khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc sau ngày xét xử sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Chiếc xe FORTUNE, biển đăng kí 72A-15467 hiện nay vẫn đang do công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C quản lý sử dụng, ông N chỉ đang giữ giấy tờ xe. Sau khi ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D trả hết các khoản nợ còn thiếu cho ông Huỳnh N, ông N đồng ý giao lại giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 010396 của chiếc xe nhãn hiệu TOYOTA, loại FORTUNE, biển đăng kí 72A-15467, số máy 2TR6748304, số khung 59G599001019 cho công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C.

***Tại bản khai, các buổi làm việc tại tòa án đại diện cho bị đơn Công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C là ông Đặng Tiến C trình bày :*** Vào năm 2016 và năm 2017 vợ chồng ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D có vay của ông Huỳnh N nhiều lần với tổng số tiền gốc là 1.250.000.000đ. Chính vì số nợ trên nên công ty TNHH Xây dựng và vận tải Tân Tiến C và ông N có kí hợp đồng giả cách mua bán chiếc xe FORTUNUE biển số 72A-15467 và vợ chồng ông C, bà D với tư cách là cá nhân kí hợp đồng giả cách chuyển nhượng căn nhà tại ấp Tân Thành, xã Quảng Thành cho ông N, việc kí kết các hợp đồng này là để đảm bảo cho các khoản nợ trên giữa ông Huỳnh N và vợ chồng ông C, bà D chứ không phải là chuyển nhượng hay mua bán thật. Hợp đồng mua bán xe FOTUNUE biển số 72A-15467 để đảm bảo cho khoản vay 300.000.000đ vợ chồng ông C, bà D vay của ông N vào năm 2017. Nay công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C yêu cầu Tòa án hủy bỏ hợp đồng mua bán xe FORTUNUE biển số 72A-15467 được phòng công chứng Nguyễn Dần xác nhận số 37 quyển số 01/2017/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 19-5-2017 và vợ chồng ông C, bà D với tư cách cá nhân sẽ trả lại cho ông N số tiền vay là 300.000.000đ và lãi suất của số nợ 300.000.000đ.

***Tại bản khai, các buổi làm việc tại tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Tiến C trình bày:***

Ông C xác nhận có vay của ông Huỳnh N số tiền là 1.250.000.000đ vào các năm 2016 và 2017, lãi suất là 4%/ tháng. Chính vì số nợ trên nên giữa ông N và công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C do ông C làm giám đốc đã đứng ra kí hợp đồng giả cách mua bán chiếc xe FORTUNUE biển số 72A-15467, đồng thời với tư cách là cá nhân vợ chồng ông C, bà D đã kí hợp đồng chuyển nhượng căn nhà tại ấp Tân Thành, xã Quảng Thành cho ông N để đảm bảo cho các khoản nợ mà vợ chồng ông C, bà D vay của ông N. Khoản vay có thế chấp chiếc xe Fotuner là 300.000.000đ ông C và bà D vay ông N vào năm 2017. Trong tổng số nợ gốc 1.250.000.000đ ông C đã trả cho ông N được số tiền là 260.000.000đ, trong số tiền này có 130.000.000đ tiền gốc và 130.000.000đ tiền lãi suất.

Số nợ 300.000.000đ là số nợ vợ chồng ông C, bà D vay riêng ông N vào năm 2017 và không bỏ vốn vô công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C, không liên quan gì đến Công ty nên ông C đồng ý trả cho ông N số tiền gốc là 300.000.000đ đồng thời ông C đồng ý trả lãi suất trên số nợ 300.000.000đ cho ông N từ ngày 19/5/2017 là ngày ông N và công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C kí kết hợp đồng mua bán xe FORTUNUE biển số 72A-15467 đến ngày 18-4-2019 là ngày tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự với số tiền lãi suất là 69.000.000đ.

***Tại bản khai, các buổi làm việc tại tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D trình bày:***

Bà Trần Thị D đồng ý với lời trình bày của ông Đặng Tiến C, đồng ý cùng với ông C trả cho ông Huỳnh N số tiền vay còn thiếu là 300.000.000đ và lãi suất từ thời điểm vợ chồng bà D, ông C vay tiền ông N để đáo hạn ngân hàng có thế chấp cho ông N xe FORTUNUE biển số 72A-15467 là từ ngày 19/5/2017 đến ngày Tòa án tiến hành phiên hòa giải là ngày 18-4-2019 với số tiền là 69.000.000đ.

***Tại bản khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thu L trình bày:***

Bà L là vợ của ông Huỳnh N, việc vay mượn tiền giữa ông N và vợ chồng ông Đặng Tiến C, bà Trần Thị D cũng như việc mua bán xe giữa ông N với công ty TNHH Xây dựng và vận tải Tân Tiến C bà L không hề biết gì. Số tiền ông Huỳnh N cho vợ chồng ông C, bà D vay hay mua bán xe FORTUNUE biển số 72A-15467 là tiền riêng của ông Huỳnh N, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Bà L không có tranh chấp hay bất cứ yêu cầu gì trong vụ án này. Số tiền vợ chồng ông C, bà D trả cho ông N trong vụ án này bà L đồng ý để lại toàn bộ cho ông N. Bà L đồng ý hủy hợp đồng mua bán xe FOTUNUE biển số 72A-15467 theo như yêu cầu của ông N.

***Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

**Về tố tụng:** Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

**Nội D:**

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D phải trả cho ông Huỳnh N số nợ còn thiếu là 300.000.000đ. Hủy hợp đồng mua bán xe FORTUNUE biển số 72A-15467 giữa bên bán là công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C và bên mua là ông Huỳnh N được văn phòng công chứng Nguyễn Dần chứng thực số 37, quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-5-2017 vô hiệu.

Chấp nhận yêu cầu về lãi suất của ông Huỳnh N, buộc ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D phải trả cho ông N số tiền lãi suất còn thiếu là 1% mỗi tháng từ ngày 19-5-2017 đến ngày 22-7-2019 là 78.300.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D trả hết các khoản nợ còn thiếu cho ông Huỳnh N, ông N có nghĩa vụ giao lại giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 010396

của chiếc xe nhãn hiệu TOYOTA, loại FORTUNE, biển đăng kí 72A-15467, số máy 2TR6748304, số khung 59G599001019 cho công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C.

Án phí: Ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản không phải là tranh chấp về hợp đồng mua bán như trong thông báo thụ lý vụ án của Tòa án vì các bên đương sự đều thừa nhận hợp đồng mua bán xe FORTUNE là hợp đồng giả tạo nhằm che dấu hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 300.000.000đ. Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do đó, theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự giữa các đương sự được xác lập vào năm 2017, thời điểm này Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Qua các bản khai của các đương sự cũng như quá trình hòa giải, làm việc tại Tòa án, các chứng cứ mà các bên cung cấp và lời khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng vào các năm 2016 và 2017 vợ chồng ông Đặng Tiến C, bà Trần Thị D có vay của ông Huỳnh N nhiều lần với tổng số tiền vay là 1.250.000.000đ, lãi suất là 4% một tháng. Sau khi vay mượn để đảm bảo các khoản vay trên vợ chồng ông C, bà D có thế chấp cho ông Huỳnh N lần lượt là 1 căn nhà và 1 chiếc xe FORTUNUE biển số 72A-15467. Việc thế chấp chiếc xe để đảm bảo số nợ 300.000.000đ mà ông C, bà D vay của ông N vào năm 2017 và các bên đã thỏa thuận thế chấp nhưng bằng việc lập hợp đồng mua bán xe và được văn phòng công chứng Nguyễn Dần chứng thực số 37, quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-5-2017. Sau khi vay số tiền trên của ông N do ông C, bà D không trả được nợ gốc và lãi suất như đã thỏa thuận, công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C cũng không xuất hóa đơn để ông ông N làm thủ tục sang tên chiếc xe nên ông N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C phải giao xe FORTUNUE biển số 72A-15467 cho ông N, xuất hóa đơn và tạo điều kiện để ông N làm thủ tục sang nhượng xe.

Tại các buổi làm việc, hòa giải tại Tòa án các bên đương sự đã thống nhất khai nhận hợp đồng mua bán xe FORTUNUE biển số 72A-15467 giữa công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C được văn phòng công chứng Nguyễn Dần chứng thực số 37, quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-5-2017 chỉ là hợp đồng giả tạo nhằm che dấu hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 300.000.000đ vào năm 2017

đồng thời các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng mua bán trên. Qua các lời khai của các đương sự cũng như các chứng cứ Tòa án thu thập được thì có căn cứ để xác định giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 300.000.000đ chứ không phải là hợp đồng mua bán xe FORTUNUE. Tại Điều 124 Bộ luật dân sự 2015 qui định như sau: *"khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che dấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu còn giao dịch dân sự bị che dấu vẫn có hiệu lực"*. Như vậy theo qui định trên thì hợp đồng mua bán xe là hợp đồng giả tạo nhằm che dấu hợp đồng vay tài sản nên bị vô hiệu, còn hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 300.000.000đ vẫn có hiệu lực pháp luật. Việc các bên đương sự đều yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe FORTUNUE biển số 72A-15467 giữa bên bán là công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C và bên mua là ông Huỳnh N được văn phòng công chứng Nguyễn Dần chứng thực số 37, quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-5-2017 là có căn cứ nên cần ghi nhận. Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét yếu tố lỗi và bồi thường thiệt hại do hợp đồng mua bán xe vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ gốc: Tuy hợp đồng mua bán xe là vô hiệu nhưng hợp đồng bị che dấu là hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 300.000.000đ vào năm 2017 vẫn có hiệu lực pháp luật và các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng vay này nên phải xem xét giải quyết theo yêu cầu của các bên đương sự. Tại biên bản hòa giải ngày 18-4-2019 tại Tòa án các bên đương sự đều thống nhất ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh N số tiền vay còn thiếu là 300.000.000đ. Tại phiên tòa ông Huỳnh N vẫn thống nhất với sự thỏa thuận như trên nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về số nợ gốc mà ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D phải trải cho ông Huỳnh N là 300.000.000đ.

Về lãi suất: Ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D vay của ông Huỳnh N số tiền 300.000.000đ với lãi suất là 4%/tháng và từ ngày 19-5-2017 đến nay ông C, bà D chưa trả khoản lãi suất trên cho ông N, việc này đã được các bên thừa nhận, như vậy việc vay mượn và mức lãi suất như trên là có thật. Tuy nhiên tại phiên tòa ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà D trả cho ông N số tiền lãi suất còn thiếu trên số nợ gốc với mức lãi suất là 1% tháng từ ngày 19-5-2017 đến ngày 22-7-2019 đồng thời yêu cầu vợ chồng ông C, bà D tiếp tục trả khoản lãi suất phát sinh từ ngày 23-7-2019 trở đi trên số nợ gốc theo qui định của pháp luật cho đến khi ông C, bà D trả hết các khoản nợ cho ông N. Mức lãi suất mà ông N yêu cầu thấp hơn với mức lãi suất 4% mỗi tháng mà các bên đã giao kết trong hợp đồng vay tài sản trên, đây là sự tự nguyện của ông N và không trái với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Việc yêu cầu ông C và bà D tiếp tục trả khoản lãi suất phát sinh từ ngày 23-7-2019 trở đi trên số nợ gốc theo qui định của pháp luật cho đến khi ông C, bà D trả hết các khoản nợ cho ông N là đúng theo qui định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ông Huỳnh N đồng ý sau khi ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D trả hết các khoản nợ còn thiếu cho ông N thì ông N sẽ giao lại giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 010396 của chiếc xe nhãn hiệu TOYOTA, loại FORTUNE, biển đăng kí 72A-15467, số máy 2TR6748304, số khung 59G599001019 cho công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C. Từ lúc các bên kí kết hợp đồng mua bán xe đến nay thì chiếc xe trên vẫn đang được công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C quản lý sử dụng, ông N

chỉ giữ giấy tờ xe của chiếc xe trên, như vậy yêu cầu này của ông N là chính đáng, không trái với các qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại buổi hòa giải ngày 18-4-2019 tại Tòa án, do các bên đương sự không thống nhất được với nhau về số tiền án phí và người phải chịu án phí nên Tòa án phải tiến hành xét xử vụ án để xem xét về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án. Do yêu cầu của ông Huỳnh N được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 378.300.000đ x 5% = 18.915.000đ (mười tám triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, Điều 131, Điều 132, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1.** Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh N số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Hủy hợp đồng mua bán xe nhãn hiệu TOYOTA, loại FORTUNE, biển đăng kí 72A-15467, số máy 2TR6748304, số khung 59G599001019 giữa bên bán là công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C bên mua là ông Huỳnh N, hợp đồng được văn phòng công chứng Nguyễn Dần chứng thực số 37, quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19-5-2017.

**2.** Ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh N số tiền lãi suất còn thiếu từ ngày 19-5-2017 đến ngày 22-7-2019 là 78.300.000đ (bảy mươi tám triệu ba trăm ngàn đồng)

Như vậy tổng số nợ gốc và lãi suất ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D phải trả cho ông Huỳnh N đến ngày 22-7-2019 là 378.300.000đ. (Ba trăm bảy mươi tám triệu ba trăm ngàn đồng).

**3.** Sau khi ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D trả hết các khoản nợ còn thiếu cho ông Huỳnh N, ông N có nghĩa vụ giao lại giấy chứng nhận đăng kí xe ô tô số 010396 của chiếc xe nhãn hiệu TOYOTA, loại FORTUNE, biển đăng kí 72A-15467, số máy 2TR6748304, số khung 59G599001019 cho công ty TNHH xây dựng và vận tải Tân Tiến C.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

**4. Về án phí:** Ông Đặng Tiến C và bà Trần Thị D phải chịu 18.915.000đ (mười tám triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009507 ngày 17-01-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử (22-7-2019); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**
- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thu Hiền**